TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22-11 - 2023
"V/v ly hôn giữa chị L và anh Th"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Đức

- ***Các Hội thẩm nhân dân***: Ông Phạm Ngọc Túy; Bà Vũ Thị Ngân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà****: Bà Nguyễn Thị L Hướng* - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2023/TLST–HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2023/QĐHPT-ST ngày 06/11/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985.

- ***Bị đơn:*** Anh Đinh Trí Th, sinh năm 1982.

Đều ở địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(*tại phiên tòa có mặt chị L; Anh Th vắng mặt không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Đinh Trí Th tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 21/9/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng gia đình anh Th tại xã A và lao động tự do Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, ngoài ra anh Th có quan hệ nam nữ bất chính đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã làm đơn ly hôn nhưng chưa gửi Tòa án do mong muốn đoàn tụ. Sau thời điểm trên tình cảm vợ chồng không được cải thiện vì vậy hai bên đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn anh Th.

Về con chung: Chị L khai vợ chồng có 02 con chung là Đinh Trí V, sinh ngày

02/10/2002 và Đinh Thị Ngọc M, sinh ngày 01/8/2012. Con lớn đã trưởng thành, không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng. Con M hiện do chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con M và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Đinh Trí Th: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tống đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho anh Th biết và đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng anh Th vẫn vắng mặt, không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của anh Th và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh Th vắng mặt.

Tòa án đã xác minh:

- Chị Hà Thị Th, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn Đ, xã A, là con dâu anh Th, chị L; ông Đinh Trí Lục là phó Chủ tịch UBND xã A đã cung cấp nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh Th là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hiện tại chị L và anh Th có xảy ra mâu thuẫn và hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm và yêu thương nhau nữa. Đối với anh Th hiện làm thợ xây tự do trong và ngoài xã A, thời gian về nhà vào buổi trưa và buổi tối. Anh Th đã biết được việc chị L làm đơn khởi khiện ly hôn. Quan điểm của chị Th và ông Lục đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh Th và giải quyết yêu cầu của chị L theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là chấp hành chưa tốt các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị L được ly hôn anh Th; Về con chung xử giao con chung Đinh Thị Ngọc M, sinh ngày 01/8/2012 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung; con chung Đinh Trí V, sinh ngày 02/10/2002 đã trưởng thành, không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng; Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết tài sản chung, vì vậy không đặt ra giải quyết; Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đinh Trí Th được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A , huyện Q vào ngày 21/9/2002 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L và anh Th sinh sống cùng gia đình anh Th và lao động tự do. Quá trình chung sống do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã phát sinh mâu thuẫn. Từ đầu năm 2023 mâu thuẫn không thể dàn xếp, chị L đã đưa con thứ hai về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống và sống ly thân với anh Th. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn. Còn đối với anh Th quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để anh Th biết và đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng anh Th vắng mặt. Qua xác minh lời khai Chị Hà Thị Th là con dâu anh Th chị L; ông Đinh Trí Lục là phó Chủ tịch UBND xã A đều xác nhận giữa chị L và anh Th đã sống ly thân và mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tính tình không hợp, hiện anh Th đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại thôn Đ, xã A. Anh Th đã biết việc chị L làm đơn xin ly hôn. Quan điểm của thân nhân anh Th và chính quyền xã A đều đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân để giải quyết cho chị L được ly hôn anh Th vì hai bên đã mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân và không còn thương yêu nhau nữa. Đối với chị L tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Th. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh Th đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh Th là có căn cứ.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu của chị L về việc nuôi dưỡng con chung cho thấy chị L anh Th có 02 con chung là là Đinh Trí V, sinh ngày 02/10/2002 và Đinh Thị Ngọc M, sinh ngày 01/8/2012. Con chung Đinh Trí V đã trưởng thành, không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng. Con chung Đinh Thị Ngọc M hiện do chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Qua xác minh cho thấy con chung Đinh Thị Ngọc M được chị L nuôi dưỡng chu đáo kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, chị L hiện tại làm công nhân có thu nhập ổn định. Cháu M hiện đang ổn định sinh sống, học tập tại nơi cư trú và có ý kiến bày tỏ nguyện vọng xin được ở với mẹ. Quan điểm của chính quyền xã A đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật. Vì vậy cần xử giao con chung Đinh Thị Ngọc M cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng và chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị L anh Th có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đinh Trí Th.

2/Về con chung: Chị L, anh Th có 02 con chung là Đinh Trí V, sinh ngày 02/10/2002 và Đinh Thị Ngọc M, sinh ngày 01/8/2012. Con chung Đinh Trí V đã trưởng thành, không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng. Xử giao con chung Đinh Thị Ngọc M cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung

Anh Th có quyền thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005901 ngày 21/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Thái Bình;
-TAND tỉnh Thái Bình;
-VKSND huyện Quỳnh Phụ;
-Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
-UBND xã A;
-Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN MINH ĐỨC